

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
									Số	Chữ	
1	001	0022410155	Phạm Thị Thúy An	Nữ	Kinh	08/01/2004	An Giang				
2	002	0021412033	Huỳnh Thị Nhân Anh	Nữ	Kinh	27/01/2003	Đồng Tháp				
3	003	080092002525	Nguyễn Hoàng Anh	Nam	Kinh	01/11/1992	Long An				
4	004	0020411205	Nguyễn Minh Anh	Nữ	Kinh	10/11/2002	Đồng Tháp				
5	005	0022412179	Nguyễn Thị Trâm Anh	Nữ	Kinh	06/6/2004	Đồng Tháp				
6	006	0022411139	Lê Ngọc Tuyết Băng	Nữ	Kinh	08/5/2004	Bến Tre				
7	007	087083017538	Nguyễn Thanh Bằng	Nam	Kinh	04/11/1983	Đồng Tháp				
8	008	0018410447	Trương Quốc Bửu	Nam	Kinh	14/3/2000	An Giang				
9	009	0020410181	Lê Ngọc Châm	Nữ	Kinh	10/9/2002	Đồng Tháp				
10	010	0022410178	Huỳnh Ngọc Châm	Nữ	Kinh	10/10/2004	Đồng Tháp				
11	011	0021412121	Nguyễn Ngọc Châu	Nữ	Kinh	04/12/2003	Bạc Liêu				
12	012	0021410074	Tôn Thị Chi	Nữ	Kinh	24/12/2003	Đồng Tháp				
13	013	087093006475	Đinh Chí Cường	Nam	Kinh	20/8/1993	Đồng Tháp				
14	014	087206003118	Trần Phú Cường	Nam	Kinh	01/9/2006	Đồng Tháp				
15	015	0021412167	Ngô Lâm Phát Đạt	Nam	Kinh	14/01/2003	Đồng Tháp				
16	016	0022411831	Nguyễn Thanh Đạt	Nam	Kinh	30/5/2004	Đồng Tháp				
17	017	087302001633	Nguyễn Thị Ngọc Dễ	Nữ	Kinh	26/9/2002	Đồng Tháp				
18	018	0022410500	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	Nữ	Kinh	26/5/2004	Đồng Tháp				
19	019	0014413946	Nguyễn Nhứt Điền	Nam	Kinh	22/12/1996	Đồng Tháp				
20	020	0022410767	Nguyễn Hữu Đức	Nam	Kinh	06/7/2004	Tiền Giang				
21	021	0020410326	Dương Thị Thùy Dương	Nữ	Kinh	20/10/2002	Bến Tre				
22	022	0022410594	Nguyễn Thị Phương Duy	Nữ	Kinh	01/5/2004	Long An				
23	023	0020410455	Lê Mỹ Duyên	Nữ	Kinh	14/4/2002	Đồng Tháp				
24	024	0019410160	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Nữ	Kinh	10/5/1999	Đồng Tháp				
25	025	0022410278	Trần Thị Mỹ Duyên	Nữ	Kinh	26/11/2004	Đồng Tháp				
26	026	0022412439	Ngô Thị Ngọc Gân	Nữ	Kinh	05/9/2004	An Giang				
27	027	0021412301	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	Nữ	Kinh	12/10/2003	Bến Tre				
28	028	0021412311	Thái Thị Bảo Hà	Nữ	Kinh	13/4/2003	Vĩnh Long				

Tổng số thí sinh: 28

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ ƯDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
									Số	Chữ	
1	029	0017410566	Hình Gia Hân	Nữ	Kinh	31/3/1999	Đồng Tháp				
2	030	0022411141	Hồ Nguyễn Ngọc Hân	Nữ	Kinh	29/11/2004	Đồng Tháp				
3	031	0020410764	Huỳnh Ngọc Hân	Nữ	Kinh	22/9/2002	Đồng Tháp				
4	032	0022410963	Huỳnh Phùng Ngọc Hân	Nữ	Kinh	30/12/2004	Bến Tre				
5	033	0022412024	Nguyễn Thị Vỹ Hân	Nữ	Kinh	12/3/2004	Đồng Tháp				
6	034	0020410101	Trần Thị Ngọc Hân	Nữ	Kinh	26/10/2002	Đồng Tháp				
7	035	0020410987	Nguyễn Mỹ Hằng	Nữ	Kinh	13/5/2002	Đồng Tháp				
8	036	0019410036	Lâm Thị Mỹ Hạnh	Nữ	Kinh	01/01/2001	Đồng Tháp				
9	037	0019410060	Đinh Thị Thu Hiền	Nữ	Kinh	13/4/2001	Đồng Tháp				
10	038	087301011067	Lê Thị Hiếu	Nữ	Kinh	24/7/2001	Đồng Tháp				
11	039	0020410652	Võ Thành Hiếu	Nam	Kinh	07/11/2002	Đồng Tháp				
12	040	0022410596	Huỳnh Thị Kim Hòa	Nữ	Kinh	11/11/2004	Đồng Tháp				
13	041	0020410320	Lê Thị Hoài	Nữ	Kinh	04/9/2001	Đồng Tháp				
14	042	0020310061	Phạm Thị Huệ	Nữ	Kinh	12/8/2002	Kiên Giang				
15	043	0022410682	Võ Thành Hưng	Nam	Kinh	14/3/2003	Đồng Tháp				
16	044	0020310015	Nguyễn Thị Kim Hương	Nữ	Kinh	13/4/2001	Đồng Tháp				
17	045	087302001301	Nguyễn Thị Mai Hương	Nữ	Kinh	28/4/2002	Đồng Tháp				
18	046	087195008269	Võ Thị Kim Hương	Nữ	Kinh	08/8/1995	Đồng Tháp				
19	047	0019410468	Võ Thị Kim Hường	Nữ	Kinh	11/01/2001	Đồng Tháp				
20	048	0021410284	Phạm Lê Hoàng Huy	Nam	Kinh	17/11/2003	Bến Tre				
21	049	0022411925	Danh Huynh	Nam	Kinh	14/4/2004	Sóc Trăng				
22	050	0022411747	Trần Nguyễn Huynh	Nam	Kinh	02/8/2003	Long An				
23	051	0020410986	Dương Đông Hy	Nữ	Kinh	26/3/2002	Vĩnh Long				
24	052	0022410393	Võ Ngọc Khánh	Nữ	Kinh	04/10/2004	Tiền Giang				
25	053	080205013144	Huỳnh Trung Kiên	Nam	Kinh	01/5/2005	Long An				
26	054	087206004798	Hà Tuấn Kiệt	Nam	Kinh	15/4/2006	Đồng Tháp				
27	055	0022410803	Trần Quốc Kiệt	Nam	Kinh	25/10/2004	Đồng Tháp				
28	056	0021412551	Lê Trọng Kỳ	Nam	Kinh	29/12/2003	Tiền Giang				

Tổng số thí sinh: 28

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
									Số	Chữ	
1	057	0020410770	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Nữ	Kinh	21/10/2001	Đồng Tháp				
2	058	0021412562	Trần Thị Thanh Lan	Nữ	Kinh	22/10/2003	Đồng Tháp				
3	059	0021412584	Nguyễn Thị Khánh Linh	Nữ	Kinh	16/12/2002	Đồng Tháp				
4	060	0019410372	Thái Thị Thùy Linh	Nữ	Kinh	02/7/2001	Đồng Tháp				
5	061	0022411938	Phạm Thị Kim Loan	Nữ	Kinh	30/9/2004	Đồng Tháp				
6	062	087201003400	Phạm Thành Lợi	Nam	Kinh	27/01/2001	Đồng Tháp				
7	063	0022412235	Nguyễn Hoàng Hải Long	Nam	Kinh	04/01/2004	TP HCM				
8	064	0022410643	Châu Lê Yên Ly	Nữ	Kinh	20/01/2004	Tiền Giang				
9	065	0020410100	Nguyễn Thị Cẩm Ly	Nữ	Kinh	10/12/2002	Long An				
10	066	0022411051	Lê Thị Lý	Nữ	Kinh	21/8/2004	Tiền Giang				
11	067	0020411262	Lê Thị Trà Mi	Nữ	Kinh	27/11/2002	Long An				
12	068	0020410433	Phạm Thị Cẩm Mi	Nữ	Kinh	30/5/2002	Đồng Tháp				
13	069	0015411152	Ngô Nhật Minh	Nam	Kinh	22/6/1997	Bến Tre				
14	070	0016410607	Nguyễn Thị Tuyết Minh	Nữ	Kinh	20/10/1998	Đồng Tháp				
15	071	0022410411	Trần Ngọc Mỹ	Nữ	Kinh	26/4/2004	Đồng Tháp				
16	072	0021411483	Bùi Thị Thảo Ngân	Nữ	Kinh	15/11/2000	Đồng Tháp				
17	073	0022412183	Nguyễn Kim Ngân	Nữ	Kinh	16/8/2004	Đồng Tháp				
18	074	089199016220	Phạm Thị Kim Ngân	Nữ	Kinh	14/02/1999	An Giang				
19	075	0021412745	Phạm Thị Thanh Ngân	Nữ	Kinh	25/11/2003	TP HCM				
20	076	0022410057	Phan Thảo Ngân	Nữ	Kinh	22/11/2004	Vĩnh Long				
21	077	0022411772	Lê Thị Phương Nghi	Nữ	Kinh	26/4/2004	Đồng Tháp				
22	078	0019410785	Nguyễn Vĩnh Nghi	Nam	Kinh	17/02/2001	Đồng Tháp				
23	079	0022412582	Phạm Thị Bảo Nghi	Nữ	Kinh	09/3/2004	An Giang				
24	080	087084013390	Nguyễn Văn Nghiêm	Nam	Kinh	15/4/1984	Đồng Tháp				
25	081	0022410636	Trần Thanh Nghiệp	Nam	Kinh	06/10/2003	Đồng Tháp				
26	082	0021412767	Kiều Thị Ngoan	Nữ	Kinh	29/11/2003	Cà Mau				
27	083	0020410429	Đỗ Kim Ngọc	Nữ	Kinh	19/7/2001	Đồng Tháp				
28	084	087197018223	Nguyễn Minh Ngọc	Nữ	Kinh	16/3/1997	Đồng Tháp				

Tổng số thí sinh: 28

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
										Số	Chữ	
1	085	0020410099	Võ Thị Huỳnh	Ngọc	Nữ	Kinh	02/12/2002	Đồng Tháp				
2	086	0020411203	Lê Ngọc Thảo	Nguyên	Nữ	Kinh	17/11/2002	Đồng Tháp				
3	087	087182012855	Nguyễn Thanh	Nguyên	Nữ	Kinh	03/8/1982	Đồng Tháp				
4	088	087191012001	Nguyễn Thị Thanh	Nguyên	Nữ	Kinh	01/7/1991	Đồng Tháp				
5	089	0021410549	Phan Trần Kim	Nguyễn	Nữ	Kinh	23/10/2003	An Giang				
6	090	087194007787	Nguyễn Minh	Nhà	Nữ	Kinh	14/10/1994	Đồng Tháp				
7	091	0020410132	Lê Trường	Nhật	Nam	Kinh	11/8/2002	Đồng Tháp				
8	092	0022411142	Lê Thị Yến	Nhi	Nữ	Kinh	21/8/2003	Đồng Tháp				
9	093	0022411149	Nguyễn Ngọc	Nhi	Nữ	Kinh	04/5/2004	Long An				
10	094	0022411278	Nguyễn Ngọc Minh	Nhi	Nữ	Kinh	28/8/2003	Bình Dương				
11	095	0020410923	Nguyễn Thị Phương	Nhi	Nữ	Kinh	11/9/2002	Đồng Tháp				
12	096	0022410391	Trần Ngọc Thiên	Nhi	Nữ	Kinh	15/01/2004	Tiền Giang				
13	097	0022410025	Lê Thị	Như	Nữ	Kinh	13/6/2004	Đồng Tháp				
14	098	0020410394	Phạm Thị Huỳnh	Như	Nữ	Kinh	11/8/2001	Đồng Tháp				
15	099	0021411620	Đỗ Thị Cẩm	Nhung	Nữ	Kinh	18/8/2003	Đồng Tháp				
16	100	080302004068	Ngô Thị Hồng	Nhung	Nữ	Kinh	18/01/2002	Long An				
17	101	0020410621	Nguyễn Thị Phi	Nhung	Nữ	Kinh	05/3/2002	Đồng Tháp				
18	102	0022412269	Lâm Thị	Phận	Nữ	Kinh	05/9/2003	Đồng Tháp				
19	103	0020410078	Nguyễn Lê Hoài	Phong	Nam	Kinh	23/7/2002	Đồng Tháp				
20	104	087093000697	Phạm Anh	Phú	Nam	Kinh	09/12/1993	Đồng Tháp				
21	105	0019410235	Võ Đức	Phước	Nam	Kinh	05/01/2001	Đồng Tháp				
22	106	0020410642	Đàm Thị Kim	Phượng	Nữ	Kinh	12/10/2002	Đồng Tháp				
23	107	0020411076	Lê Thị Hồng	Phượng	Nữ	Kinh	20/7/2002	Đồng Tháp				
24	108	0022411231	Trần Thị Bích	Phượng	Nữ	Kinh	13/01/2004	An Giang				
25	109	0022411211	Võ Thị Ngọc	Phượng	Nữ	Kinh	08/01/2004	Đồng Tháp				
26	110	0021411669	Phan Hàn	Quốc	Nam	Kinh	06/6/2003	Đồng Tháp				
27	111	082099000385	Nguyễn Triệu Phú	Quý	Nam	Kinh	20/7/1999	Tiền Giang				
28	112	0022412178	Phạm Văn	Quý	Nam	Kinh	10/07/2004	An Giang				

Tổng số thí sinh: 28

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
									Số	Chữ	
1	113	080199000481	Nguyễn Thị Kim Quyên	Nữ	Kinh	19/4/1999	Long An				
2	114	0022412632	Phạm Kim Quyên	Nữ	Kinh	13/6/2004	Long An				
3	115	0022411965	Trần Thị Tú Quyên	Nữ	Kinh	02/12/2004	Hậu Giang				
4	116	0022412074	Huỳnh Văn Rỡ	Nam	Kinh	22/6/2004	Tiền Giang				
5	117	0022411786	Lâm Phú Sang	Nam	Kinh	17/5/2004	Đồng Tháp				
6	118	0022412592	Hồ Thị Tâm	Nữ	Kinh	03/11/2003	Hà Tĩnh				
7	119	0022410276	Nguyễn Hoài Tâm	Nam	Kinh	05/4/2004	Đồng Tháp				
8	120	0022410462	Huỳnh Quang Thái	Nam	Kinh	28/3/2004	Đồng Tháp				
9	121	0022410209	Nguyễn Thành Thái	Nam	Kinh	20/12/2004	Đồng Tháp				
10	122	087098010776	Nguyễn Văn Thái	Nam	Kinh	20/02/1998	Đồng Tháp				
11	123	0021411723	Huỳnh Thị Hồng Thắm	Nữ	Kinh	01/7/2003	Đồng Tháp				
12	124	0019410385	Lê Thị Thắm	Nữ	Kinh	03/12/2001	Đồng Tháp				
13	125	0022411148	Nguyễn Thị Hồng Thắm	Nữ	Kinh	02/8/2004	Long An				
14	126	0018410773	Trần Đoàn Anh Thắng	Nam	Kinh	24/7/2000	An Giang				
15	127	087096009793	Trần Thanh Thắng	Nam	Kinh	11/11/1996	Đồng Tháp				
16	128	087177006078	Nguyễn Thị Đan Thanh	Nữ	Kinh	17/8/1977	Đồng Tháp				
17	129	0020410567	Nguyễn Xuân Thanh	Nữ	Kinh	12/10/2002	Kiên Giang				
18	130	0019410431	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	Kinh	13/02/2001	Đồng Tháp				
19	131	0022411916	Phạm Thị Thanh Thảo	Nữ	Kinh	12/8/2004	Kiên Giang				
20	132	0022411114	Trần Thị Thu Thảo	Nữ	Kinh	11/02/2004	Đồng Tháp				
21	133	0021411759	Nguyễn Hạ Thi	Nữ	Kinh	12/01/2002	Long An				
22	134	0020410749	Đường Hoàng Thịnh	Nam	Kinh	11/8/2002	An Giang				
23	135	0022410718	Hứa Hữu Thịnh	Nam	Kinh	21/7/2004	Đồng Tháp				
24	136	0018410433	Phạm Thị Cẩm Thơ	Nữ	Kinh	20/11/2000	Đồng Tháp				
25	137	0022412568	Huỳnh Lam Thư	Nữ	Kinh	08/3/2004	An Giang				
26	138	0021411789	Nguyễn Anh Thư	Nữ	Kinh	13/5/2003	Đồng Tháp				
27	139	0021411790	Nguyễn Minh Thư	Nữ	Kinh	07/5/2003	Vĩnh Long				
28	140	0022410125	Châu Bích Thuận	Nữ	Kinh	21/7/2004	Đồng Tháp				
29	141	0020410431	Hồ Phan Hoài Thương	Nữ	Kinh	01/5/2002	Đồng Tháp				
30	142	0022411276	Nguyễn Hoài Thương	Nữ	Kinh	15/6/2004	Đồng Tháp				

Tổng số thí sinh: 30

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
										Số	Chữ	
1	143	0021410895	Huỳnh Thị Mộng	Thường	Nữ	Kinh	14/6/2002	Đồng Tháp				
2	144	0022411935	Lương Thị Diễm	Thủy	Nữ	Kinh	25/3/2004	Đồng Tháp				
3	145	0021410896	Diệp Thị Phương	Thủy	Nữ	Kinh	26/9/2002	Vĩnh Long				
4	146	0020410305	Hồ Bích	Thủy	Nữ	Kinh	28/02/2002	Đồng Tháp				
5	147	0018412197	Phan Thị Kim	Thủy	Nữ	Kinh	23/5/2000	Đồng Tháp				
6	148	0022412434	Nguyễn Thị Minh	Thùy	Nữ	Kinh	20/3/2004	Đồng Tháp				
7	149	0020411031	Nguyễn Thị Minh	Thy	Nữ	Kinh	05/4/2002	Bến Tre				
8	150	0018412204	Lê Thị Cẩm	Tiên	Nữ	Kinh	22/7/2000	Đồng Tháp				
9	151	0022411080	Nguyễn Diệu	Tiên	Nữ	Kinh	07/10/2004	Đồng Tháp				
10	153	0022411086	Phan Âu Ngọc	Tiền	Nữ	Kinh	29/9/2004	Long An				
11	154	0021411831	Võ Thị Kim	Tiền	Nữ	Kinh	01/11/2003	Đồng Tháp				
12	155	0022410567	Nguyễn Trung	Tín	Nam	Kinh	28/11/2003	Đồng Tháp				
13	156	087091012354	Trần Hữu	Tín	Nam	Kinh	16/02/1991	Đồng Tháp				
14	157	0022410867	Trần Trọng	Tinh	Nam	Kinh	17/8/2004	TP HCM				
15	158	0020410428	Nghê Thị Ngọc	Trâm	Nữ	Kinh	05/7/2002	Đồng Tháp				
16	159	0022410171	Hồ Thị Huyền	Trân	Nữ	Kinh	02/4/2003	Cà Mau				
17	160	0021411848	Huỳnh Lê Thanh Ngọc	Trân	Nữ	Kinh	24/01/2003	Đồng Tháp				
18	161	0020410614	Nguyễn Thị Ngọc	Trân	Nữ	Kinh	05/12/2002	Đồng Tháp				
19	162	0019410496	Nguyễn Thị Kiều	Trang	Nữ	Kinh	04/4/2001	Đồng Tháp				

Tổng số thí sinh: 19

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
										Số	Chữ	
1	163	087099009997	Cao Minh	Trí	Nam	Kinh	08/12/1999	Đồng Tháp				
2	164	0022410830	Phan Thị Kiều	Trinh	Nữ	Kinh	07/3/2004	Bến Tre				
3	165	0022410061	Huỳnh Thị Thanh	Trúc	Nữ	Kinh	09/01/2004	Tiền Giang				
4	166	0022411578	Lê Ngọc Cẩm	Tú	Nữ	Kinh	09/02/2004	An Giang				
5	167	087092000766	Cao Văn	Tuấn	Nam	Kinh	22/12/1992	Đồng Tháp				
6	168	080097000679	Lê Anh	Tuấn	Nam	Kinh	19/7/1997	Long An				
7	169	0020410294	Đặng Lê Hồng	Tươi	Nữ	Kinh	29/3/2002	Đồng Tháp				
8	170	0021411004	Lê Thị Thuý	Tuyên	Nữ	Kinh	23/3/2002	Vĩnh Long				
9	171	0019410179	Bùi Thị Kim	Tuyển	Nữ	Kinh	09/02/2001	An Giang				
10	172	0022410261	Đặng Thị Ngọc	Tuyên	Nữ	Kinh	25/9/2004	Đồng Tháp				
11	173	0021411921	Trần Thanh	Tuyên	Nữ	Kinh	21/10/2003	Long An				
12	174	0021411029	Võ Thị Thu	Vân	Nữ	Kinh	09/10/2003	Đồng Tháp				
13	175	0016410783	Nguyễn Tường	Vi	Nữ	Kinh	27/10/1998	Đồng Tháp				
14	176	0022411933	Đặng Nguyễn Yến	Vy	Nữ	Kinh	08/11/2004	Đồng Tháp				
15	177	0021411054	Nguyễn Lê Tường	Vy	Nữ	Kinh	16/11/2003	Tiền Giang				
16	178	0022410680	Trương Thúy	Vy	Nữ	Kinh	19/12/2003	Tiền Giang				
17	179	0021411066	Nguyễn Kim	Xuyến	Nữ	Kinh	09/11/2003	Đồng Tháp				
18	180	0021411973	Đặng Thị Huỳnh	Ý	Nữ	Kinh	11/11/2003	Đồng Tháp				
19	181	0021411975	Hoàng Như	Ý	Nữ	Kinh	12/9/2003	Kiên Giang				
20	182	0020411202	Phạm Thị Kim	Yến	Nữ	Kinh	02/7/2002	Đồng Tháp				
21	183	0022411098	Quách Thái	Bi	Nam	Hoa	02/5/2003	Bạc Liêu	Thi lại Lý thuyết, Bảo lưu Thực hành			
22	184	0012410621	Cao Văn	Còn	Nam	Kinh	19/6/1994	Bến Tre	Thi lại Lý thuyết, Bảo lưu Thực hành			
23	185	0022411826	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	Nữ	Kinh	20/02/2004	Đồng Tháp	Thi lại Lý thuyết, Bảo lưu Thực hành			
24	186	0019410867	Trà Nguyễn Trúc	Quỳnh	Nữ	Kinh	19/8/2001	Đồng Tháp	Thi lại Lý thuyết, Bảo lưu Thực hành			
25	187	0020410374	Nguyễn Thị Hồng	Thơ	Nữ	Kinh	24/01/2002	Đồng Tháp	Thi lại Lý thuyết, Bảo lưu Thực hành			
26	188	0020410803	Nguyễn Lạc	Thông	Nữ	Kinh	16/6/2002	Đồng Tháp	Thi lại Lý thuyết, Bảo lưu Thực hành			
27	189	0020410613	Lê Thị Ngọc	Trâm	Nữ	Kinh	28/7/2002	Đồng Tháp	Thi lại Lý thuyết, Bảo lưu Thực hành			
28	190	0022410921	Nông Thị Như	Ý	Nữ	Kinh	01/01/2004	Đồng Tháp	Thi lại Lý thuyết, Bảo lưu Thực hành			
29	191	0018410251	Đặng Thị Ngọc	Hân	Nữ	Kinh	10/01/2000	Đồng Tháp	Bảo lưu Lý thuyết , Thi lại Thực hành			
30	192	0020410737	Huỳnh Thị Thu	Hương	Nữ	Kinh	29/01/2002	Đồng Tháp	Bảo lưu Lý thuyết , Thi lại Thực hành			
31	193	0021310014	Lê Thị Ngọc	Huyền	Nữ	Kinh	12/3/2003	Vĩnh Long	Bảo lưu Lý thuyết , Thi lại Thực hành			
32	194	0020410972	Nguyễn Như	Huỳnh	Nữ	Kinh	22/3/2002	Đồng Tháp	Bảo lưu Lý thuyết , Thi lại Thực hành			
33	195	0012410674	Lê Thị Kim	Thoa	Nữ	Kinh	24/3/1994	Đồng Tháp	Bảo lưu Lý thuyết , Thi lại Thực hành			
34	196	0021413793	Nguyễn Minh	Xuân	Nữ	Kinh	07/4/2003	Đồng Tháp	Bảo lưu Lý thuyết , Thi lại Thực hành			
35	197	0021411094	Lê Thị Hải	Yến	Nữ	Kinh	29/7/2003	Đồng Tháp	Bảo lưu Lý thuyết , Thi lại Thực hành			

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH

THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
									Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
												Giờ thi	Địa điểm
1	000001	183790772	Phan Đức	Anh	Nam	Kinh	10/02/1993	Hà Tĩnh	P.306-C1		12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 308-C1	
2	000002	0017410570	Phạm Thị Ngọc	Ánh	Nữ	Kinh	04/4/1999	Đồng Tháp	P.306-C1		12h30'		
3	000003	0021410173	Trần Thị Thuỳ	Duyên	Nữ	Kinh	01/12/2003	Vĩnh Long	P.306-C1		12h40'		
4	000004	0021310008	Phan Thị Bắc	Giang	Nữ	Kinh	25/5/2002	Đồng Tháp	P.306-C1		12h40'		
5	000005	0015410587	Lê Văn	Giỏi	Nam	Kinh	16/10/1996	Đồng Tháp	P.306-C1		12h50'		
6	000006	0021412320	Thạch Ngọc	Hải	Nam	Kinh	08/7/2002	Đồng Tháp	P.306-C1		12h50'		
7	000007	0021412374	Văn Phước	Hậu	Nam	Kinh	09/9/2003	Kiên Giang	P.306-C1		13h00'		
8	000008	184109535	Đặng Sỹ	Hoàng	Nam	Kinh	04/5/1995	Hà Tĩnh	P.306-C1		13h00'		
9	000009	040092006384	Ngô Kim	Hùng	Nam	Kinh	02/02/1992	Nghệ An	P.306-C1		13h10'		
10	000010	0021410292	Nguyễn Thị Bích	Huyền	Nữ	Kinh	06/12/2003	An Giang	P.306-C1		13h10'		
11	000011	0021412490	Nguyễn Trọng	Khang	Nam	Kinh	23/10/2003	Cà Mau	P.306-C1		13h20'		
12	000012	087099005942	Trần Đoan	Khang	Nam	Kinh	28/7/1999	Đồng Tháp	P.306-C1		13h20'		
13	000013	0021412494	Võ Phúc	Khang	Nam	Kinh	04/7/2003	Đồng Tháp	P.306-C1		13h30'		
14	000014	087093019943	Lê Trung	Khoa	Nam	Kinh	16/7/1993	Đồng Tháp	P.306-C1		13h30'		
15	000015	0021411423	Trần Duy	Linh	Nam	Kinh	20/5/2003	Bến Tre	P.306-C1		13h40'		
16	000016	0020410107	Trương Chúc	Linh	Nữ	Kinh	09/3/2002	Đồng Tháp	P.306-C1		13h40'		
17	000017	0021410417	Nguyễn Thị Xuân	Mai	Nữ	Kinh	23/01/2003	Đồng Tháp	P.306-C1		13h50'		
18	000018	0015411152	Ngô Nhật	Minh	Nam	Kinh	22/6/1997	Bến Tre	P.306-C1		13h50'		
19	000019	0021412675	Trần Thị Tuyết	Minh	Nữ	Kinh	13/4/2002	Đồng Tháp	P.306-C1		14h00'		
20	000020	087092003801	Nguyễn Trường	Mỹ	Nam	Kinh	27/01/1992	Đồng Tháp	P.306-C1		14h00'		
21	000021	0017411125	Trần Thị Lê	Na	Nữ	Kinh	08/7/1997	Trà Vinh	P.306-C1		14h10'		
22	000022	0021412701	Nguyễn Hoài	Nam	Nam	Kinh	19/8/2003	Đồng Tháp	P.306-C1		14h10'		
23	000023	341699368	Nguyễn Xuân	Nam	Nam	Kinh	01/01/1992	Đồng Tháp	P.306-C1		14h20'		
24	000024	0021412728	Nguyễn Thanh	Ngân	Nữ	Kinh	10/5/2003	Long An	P.306-C1		14h20'		

Phòng tập trung chờ thi: 308-C1

Tổng số thí sinh: 24

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH

THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
								Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
											Giờ thi	Địa điểm
1	000025	0021410496	Phan Thị Kim Ngân	Nữ	Kinh	16/9/2003	Đồng Tháp	P.307-C1		12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 308-C1	
2	000026	0021410511	Nguyễn Thị Mộng Nghi	Nữ	Kinh	10/5/2003	Đồng Tháp	P.307-C1		12h30'		
3	000027	0021412776	Liêu Thị Bảo Ngọc	Nữ	Kinh	15/11/2003	Vĩnh Long	P.307-C1		12h40'		
4	000028	0021411550	Bùi Lê Thị Ý Nguyên	Nữ	Kinh	29/7/2003	Đồng Tháp	P.307-C1		12h40'		
5	000029	0021410606	Thái Thị Yến Nhi	Nữ	Kinh	11/3/2003	Đồng Tháp	P.307-C1		12h50'		
6	000030	0019410335	Đỗ Thị Thanh Như	Nữ	Kinh	05/12/2001	Bến Tre	P.307-C1		12h50'		
7	000031	0021412929	Phạm Thị Cẩm Như	Nữ	Kinh	12/10/2003	Đồng Tháp	P.307-C1		13h00'		
8	000032	042094002718	Phan Xuân Ninh	Nam	Kinh	06/7/1994	Hà Tĩnh	P.307-C1		13h00'		
9	000033	0021412965	Hồ Thị Kiều Oanh	Nữ	Kinh	20/6/2003	Đồng Tháp	P.307-C1		13h10'		
10	000034	087090020024	Nguyễn Văn Phẩm	Nam	Kinh	15/7/1990	Đồng Tháp	P.307-C1		13h10'		
11	000035	0020410377	Nguyễn Tấn Phát	Nam	Kinh	02/9/2001	Bến Tre	P.307-C1		13h20'		
12	000036	0021413002	Trần Trọng Phú	Nam	Kinh	07/01/2003	Bến Tre	P.307-C1		13h20'		
13	000037	0015411894	Lê Anh Phương	Nam	Kinh	24/5/1996	Đồng Tháp	P.307-C1		13h30'		
14	000038	0021413036	Nguyễn Hồng Đan Phương	Nữ	Kinh	15/12/2003	Tây Ninh	P.307-C1		13h30'		
15	000039	0015411131	Nguyễn Tiến Phương	Nam	Kinh	21/8/1997	Đồng Tháp	P.307-C1		13h40'		
16	000040	0021410703	Hồ Như Phương	Nữ	Kinh	17/7/2003	Đồng Tháp	P.307-C1		13h40'		
17	000041	0020410751	Võ Công Vinh Quang	Nam	Kinh	05/5/2001	Đồng Tháp	P.307-C1		13h50'		
18	000042	0021410727	Ngô Nguyễn Thuý Quyên	Nữ	Kinh	15/6/2003	Đồng Tháp	P.307-C1		13h50'		
19	000043	0021410737	Bùi Thị Ngọc Quyền	Nữ	Kinh	31/01/2003	Cần Thơ	P.307-C1		14h00'		
20	000044	0021413087	Huỳnh Thúy Quyền	Nữ	Kinh	07/6/2003	Bạc Liêu	P.307-C1		14h00'		
21	000045	087095002751	Nguyễn Thanh Sang	Nam	Kinh	17/6/1995	Đồng Tháp	P.307-C1		14h10'		
22	000046	0019410679	Nguyễn Thanh Tâm	Nam	Kinh	10/02/2001	Vĩnh Long	P.307-C1		14h10'		
23	000047	0019410836	Trần Thiện Tâm	Nam	Kinh	18/12/2001	Đồng Tháp	P.307-C1		14h20'		
24	000048	0021413135	Nguyễn Minh Tân	Nam	Kinh	12/5/2003	Đồng Tháp	P.307-C1		14h20'		

Tổng số thí sinh: 24



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH

THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
								Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
											Giờ thi	Địa điểm
1	000049	0019410385	Lê Thị Thắm	Nữ	Kinh	03/12/2001	Đồng Tháp	P.308-C1			12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 308- C1
2	000050	0019410066	Nguyễn Kim Thang	Nữ	Kinh	11/6/2001	Đồng Tháp	P.308-C1			12h30'	
3	000051	087083021445	Dương Công Thắng	Nam	Kinh	10/6/1983	Đồng Tháp	P.308-C1			12h40'	
4	000052	0017410148	Nguyễn Thị Chí Thanh	Nữ	Kinh	10/8/1999	Đồng Tháp	P.308-C1			12h40'	
5	000053	0018410670	Nguyễn Hoàng Thành	Nam	Kinh	22/01/2000	Đồng Tháp	P.308-C1			12h50'	
6	000054	0021411750	Nguyễn Thanh Thảo	Nữ	Kinh	04/7/2003	Đồng Tháp	P.308-C1			12h50'	
7	000055	0021413202	Trần Thị Phương Thảo	Nữ	Kinh	30/12/2001	An Giang	P.308-C1			13h00'	
8	000056	0020410604	Trần Chí Thiện	Nam	Kinh	08/8/2001	Đồng Tháp	P.308-C1			13h00'	
9	000057	0019410815	Đỗ Bảo Thơ	Nữ	Kinh	12/9/2001	Bến Tre	P.308-C1			13h10'	
10	000058	0021410846	Dương Thị Kim Thoa	Nữ	Kinh	15/7/2003	Hậu Giang	P.308-C1			13h10'	
11	000059	0021413249	Đặng Thị Anh Thư	Nữ	Kinh	13/9/2003	Bạc Liêu	P.308-C1			13h20'	
12	000060	0021410873	Nguyễn Thị Anh Thư	Nữ	Kinh	22/3/2003	Đồng Tháp	P.308-C1			13h20'	
13	000061	0021410909	Phạm Thị Kiều Tiên	Nữ	Kinh	16/12/2003	An Giang	P.308-C1			13h30'	
14	000062	0019410814	Nguyễn Thị Ngọc Trân	Nữ	Kinh	06/9/2001	Bến Tre	P.308-C1			13h30'	
15	000063	0020410591	Mai Nguyễn Phát Triển	Nam	Kinh	12/11/2002	Hậu Giang	P.308-C1			13h40'	
16	000064	0021410984	Trần Văn Nhựt Trường	Nam	Kinh	27/12/2003	Bến Tre	P.308-C1			13h40'	
17	000065	0021413532	Trần Thị Cẩm Tuyền	Nữ	Kinh	06/01/2003	Đồng Tháp	P.308-C1			13h50'	
18	000066	087092016865	Đặng Quang Vinh	Nam	Kinh	16/11/1992	Đồng Tháp	P.308-C1			13h50'	
19	000067	0021411941	Huỳnh Hoàng Quang Vinh	Nam	Kinh	19/4/2003	Đồng Tháp	P.308-C1			14h00'	
20	000068	0014412296	Trương Thành Vinh	Nam	Kinh	09/02/1990	Bến Tre	P.308-C1			14h00'	
21	000069	0020410731	Lê Hồ Vũ	Nam	Kinh	10/9/2001	Đồng Tháp	P.308-C1			14h10'	
22	000070	0021411057	Nguyễn Thảo Vy	Nữ	Kinh	04/3/2003	Bến Tre	P.308-C1			14h10'	
23	000071	0021411077	Huỳnh Thị Như Ý	Nữ	Kinh	04/01/2003	Tây Ninh	P.308-C1			14h20'	
24	000072	0021411079	Nguyễn Thị Như Ý	Nữ	Kinh	04/01/2003	Đồng Tháp	P.308-C1			14h20'	
25	000073	0019410494	Đỗ Kim Ngân	Nữ	Kinh	23/02/2001	Đồng Tháp	BL	308	BL	BL	
26	000074	0021411650	Nguyễn Hoàng Phúc	Nam	Kinh	08/02/2003	Đồng Tháp	308	308	BL	BL	
27	000075	0022410847	Phạm Minh Thuận	Nam	Kinh	30/4/2004	Cà Mau	BL	308	BL	BL	

Tổng số thí sinh: 27